

BÀI 21

DÂN SỐ VÀ VẤN ĐỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI Ở ĐẮK LẮK

Nguyễn Xuân Độ

Q. Giám đốc sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Đắk Lắk

Đắk Lắk là một tỉnh trung tâm của Cao nguyên nam Trung Bộ, một vùng có tài nguyên thiên nhiên khá phong phú nhất là về đất đai, nguồn nước, tài nguyên sinh học, gắn liền với truyền thống văn hoá phong tục tập quán lối sống đậm đà bản sắc dân tộc của cộng đồng các cư dân bản địa.

Từ sau ngày giải phóng đến nay đặc biệt trong 10 năm gần đây, cùng với sự phát triển về kinh tế xã hội đã làm thay đổi diện mạo, đánh thức một vùng cao giàu tiềm năng. Bên cạnh những kết quả, thành tựu nổi bật về kinh tế xã hội đã bộc lộ những bất cập của sự phát triển là tình trạng suy thoái tài nguyên môi trường và sự phát triển không bền vững do áp lực của dân số cần kịp thời nghiên cứu để có chủ trương chính sách và giải pháp thực hiện đúng đắn nhằm phát triển bền vững vùng lãnh thổ này nói riêng cũng như vùng cao nói chung.

1. SỰ GIA TĂNG VỀ DÂN SỐ

Đắk Lắk sau ngày giải phóng (năm 1975) chỉ có 36 vạn người, đến nay đã tăng lên gần 2 triệu người, bình quân mỗi năm tăng khoảng 63.000 người. Dân số tăng nhanh chủ yếu là do di dân tự do đến từ các tỉnh trong cả nước mà chủ yếu là đồng bào các dân tộc ở các tỉnh phía bắc như Cao Bằng, Lạng Sơn, Lai Châu đến Thái Bình, Nghệ An, Thanh Hóa .v.v. đã làm cho Đắk Lắk trở thành tỉnh có thành phần dân tộc đông nhất cả nước (44 dân tộc). Việc gia tăng dân số với tốc độ cao đã góp phần thực hiện sự phân bố lại lực lượng lao động trong cả nước và đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội của Đắk Lắk. Song mặt trái của việc tăng nhanh dân số cần phải được nhìn nhận đó là:

- Dân di cư tự do đến Đắk Lắk chủ yếu là những người nghèo, thiếu đất sản xuất do đó mong muốn của họ là đến để có mảnh đất canh tác đảm bảo cuộc sống của họ.

- Phần lớn họ là những người có trình độ dân trí thấp lại không am hiểu về điều kiện tự nhiên cũng như phong tục tập quán của cư dân bản địa, dẫn đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên không hợp lý, mâu thuẫn dân tộc nảy sinh...

Sự gia tăng dân số cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao 9 - 10% năm và sự kiểm soát thiếu chặt chẽ đã làm cho sự phát triển không bền vững về kinh tế, môi trường và xã hội.

2. TÀI NGUYÊN RỪNG BỊ SUY GIẢM

Đắk Lắk là tỉnh giàu tài nguyên rừng cả về diện tích và đa dạng sinh học, nhưng do nhu cầu về phát triển cơ sở hạ tầng, về gỗ cho xây dựng, cho sự phát triển kinh tế, nhu cầu đất cho sản xuất và cho nhà ở đáp ứng với sự gia tăng về dân số đã khai thác lạm dụng tài nguyên rừng, nhiều diện tích rừng bị tàn phá... đã làm cho rừng suy giảm cả về diện tích và chất lượng. Chỉ trong thời kỳ từ năm 1992 đến 1999 rừng tự nhiên Đắk Lắk giảm 223.632,5 ha, bình quân mỗi năm

giảm 31.947,5 ha (bảng 1). Diện tích rừng gỗ giảm mạnh, rừng hỗn giao tăng (diện tích rừng gỗ giảm 87,59%), độ che phủ của rừng từ 62% giảm xuống 52%, vai trò phòng hộ chống xói mòn, điều tiết nước bị suy giảm. Cũng do phá rừng và nạn săn bắt không quản lý và kiểm soát được đã làm cho đa dạng sinh học bị suy thoái nhanh, nhiều loài động thực vật quý hiếm bị tiêu diệt, nhiều hệ sinh thái vốn quen thuộc và ổn định với cư dân bản địa đã bị phá hủy, nhiều loài thực vật và động vật có nguy cơ bị tuyệt diệt như hổ, báo, nai cà tông.v...

Bảng II.21.1. Biến động tài nguyên rừng tự nhiên của Đắk Lắk giai đoạn 1992 - 1999

Loại rừng	Năm 1992	Năm 1999	Tăng (+), Giảm (-)
Tổng rừng tự nhiên:	1231.898,0	1.008.265,5	- 223.632,5
Rừng gỗ	1.068.224,0	872.335,3	- 195.888,7
Rừng tre nứa	113.898,0	66.404,8	- 47.493,2
Rừng hỗn giao	49.776,0	69.525,4	+19.749,4

3. TÀI NGUYÊN ĐẤT VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG

Kết quả phân loại đất theo FAO - UNESCO Đắk Lắk có 8 nhóm đất, trong đó quan trọng nhất là nhóm đất phù sa (Fluvisols) 40.885 ha, nhóm đất đỏ (Ferrasols) 723.077 ha, nhóm đất xám (Arisols) 1.072.388 ha. Đây là các nhóm đất tốt, giàu dinh dưỡng thích nghi với nhiều loại cây trồng như lúa nước, Cà phê, Cao su, Hồ tiêu, Điều và các loại cây ăn quả có giá trị.

Bảng II.21.2. Hiện trạng sử dụng đất Tỉnh Đắk Lắk

Đơn vị tính : Ha

Loại đất	Diện tích (ha)	
	1995	2000
Tổng diện tích	1.953.546	1.959.950,00
1. Đất nông nghiệp	327.829	524.908,26
+ Cây hàng năm	144.787	196.280, 88
Lúa	63.000	88.734,83
Màu và cây công nghiệp hàng năm	81.509	108.930,82
+ Cây lâu năm	180.586	301.471,00
Cây cà phê	131.119	264.345
Đất đồng cỏ	1.193	3.146,60
2. Đất có mặt nước dùng vào nông nghiệp	553	1.368,08
3. Đất dùng vào lâm nghiệp	1.215.808	1.017.955,10
Rừng tự nhiên	1.197.597	1.008.080,10
Rừng trồng	18.211	9.874,32
4. Đất chuyên dùng	49.525	51.894,40
5. Đất khu dân cư	10.250	13.642,58
6. Đất chưa sử dụng	350,134	351.549,66

Nguồn : Cục thống kê Đắk Lắk 2000 & Sở Địa chính Đắk Lắk - 2000.

Tổng diện tích đất toàn tỉnh 1.959.590 ha có 1.532.873 ha đất dốc dưới 25° (chiếm 77,4%) rất thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Hiện đã đưa vào canh tác 524.908,26 ha chiếm 26,86% diện tích tự nhiên (bảng 2) và chủ yếu trên đất Bazan. Diện tích đất nông nghiệp tăng nhanh chủ yếu trong gần 10 năm qua và phần lớn là lấy từ đất rừng. Theo số liệu thống kê năm 1992 diện tích cây công nghiệp là 99.712 ha, trong đó cà phê là 71.005 ha, nhưng đến 1/1/2000 diện tích cây công nghiệp của tỉnh là 324.572,20 ha, trong đó diện tích cà phê là 264.345 ha. Việc tăng nhanh diện tích cà phê một cách ồ ạt đã phá vỡ quy hoạch (theo quy hoạch diện tích cà phê từ 170.000 - 180.000 ha) đã tạo nên sự phát triển không bền vững.

Nhiều diện tích có độ dốc lớn 15° - 25° cũng bị khai phá để canh tác nông nghiệp đã làm cho đất bị xói mòn, rửa trôi mất tầng đất canh tác, quá trình feralit xảy ra mạnh mẽ làm cho nhiều nơi bị kết von và đá ong hoá mất khả năng canh tác. Diện tích đất trống đồi núi trọc tăng lên 351.549,66 ha, đây là điều chúng ta cần quan tâm trong công tác quản lý khai thác và sử dụng một cách hợp lý nguồn tài nguyên vô cùng quý hiếm này.

Sản lượng cà phê tăng nhanh dẫn đến cung vượt cầu, giá cà phê giảm chỉ bằng 50 - 60% giá thành làm cho người sản xuất lỗ vốn buộc phải giảm đầu tư và nhiều diện tích không thích hợp với cây cà phê trước đây, nhưng do giá cà phê cao vẫn có lời thì nay buộc phải phá bỏ chuyển đổi sang trồng những cây trồng khác. Đời sống của người trồng cà phê gặp nhiều khó khăn.

4. TÀI NGUYÊN NƯỚC BỊ SUY GIẢM

Lượng mưa trung bình năm 1700 - 1800 mm, hàng năm Đắk Lắk nhận được trung bình khoảng 34 tỉ m³, trong đó có khoảng trên 17 tỉ m³ (chiếm 50%) hình thành dòng chảy mặt. Lượng dòng chảy mặt biến động theo không gian và thời gian liên quan chặt chẽ với chế độ mưa và thời gian mưa.

Về mùa mưa lượng dòng chảy lớn chiếm 75 - 85% tổng lượng dòng chảy cả năm, về mùa khô lượng dòng chảy chỉ còn 15 - 25%. Song xu hướng cách biệt này ngày càng gia tăng do lớp phủ rừng ngày càng giảm, nhu cầu nước tưới cho cây trồng ngày càng tăng. Mùa khô rơi vào tình trạng thiếu nước, mặc dù Đắk Lắk đã có nhiều cố gắng xây dựng trên 500 công trình thuỷ lợi, trong đó có 369 hồ chứa, tổng dung tích các hồ chứa đạt 205 - 210 triệu m³ mới chỉ đáp ứng được cho khoảng 15.000 ha lúa nước, 40.000 - 50.000 ha cà phê, còn lại chủ yếu khai thác nguồn nước mặt sông suối và nước ngầm một cách bừa bãi đã làm cho nguồn tài nguyên nước suy giảm và cạn kiệt, nạn thiếu nước và khô hạn ngày càng lan rộng.

Năm 1998 trong vụ Đông Xuân do hạn hán đã làm cho:

7005 ha lúa bị hạn trong đó diện tích mất trắng 3529 ha

47.893 ha cà phê bị hạn trong đó diện tích mất trắng 11.259 ha

2.244 ha mía bị hạn trong đó diện tích mất trắng 1.171 ha

1.370 ha đậu đỗ bị hạn trong đó diện tích mất trắng 1.070 ha

Tổng giá trị bị thiệt hại trong vụ đồng xuân ước tính 2500 tỷ đồng, trong đó thiệt hại mất trắng 69 tỷ đồng.

Vụ hè thu tổng diện tích cây trồng bị khô hạn 33.893 ha, trong đó cây trồng cạn 29.968 ha và lúa nước 4.925ha. Ước tính tổng giá trị thiệt hại 116,6 tỷ đồng.

Năm 2002 trong vụ đồng xuân theo thống kê đến 31 tháng 3 diện tích bị hạn đã lên tới 53.000 ha, trong đó diện tích lúa nước bị hạn mất trắng trên 3.000 ha, cà phê bị hạn là 44.700 ha trong đó mất trắng 21.000 ha (chủ yếu là những vùng khó khăn không đảm bảo nước tưới, các hộ đã bỏ không tưới, vì càng tưới càng lỗ).

5. NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI NẢY SINH

- Do việc bùng nổ về dân số đặc biệt là di dân tự do đã làm nảy sinh những vấn đề kinh tế xã hội cần được tập trung giải quyết kịp thời.

Sự gia tăng nhu cầu về đất cho sản xuất và nhà ở do dân di cư tự do không theo quy hoạch đã dẫn đến tình trạng phá rừng, mua bán chuyển nhượng đất bất hợp pháp, cùng với việc nóng vội trong tổ chức sản xuất trước đây khi đưa đồng bào dân tộc vào nông lâm trường cùng với đất đai của họ cũng được quy hoạch trở thành diện tích đất của nông lâm trường. Từ đó đã dẫn tới tình trạng nhiều hộ đồng bào dân tộc tại chỗ thiếu đất sản xuất buộc phải khai phá rừng để lấy đất hoặc đi làm thuê.

Những cư dân mới đến đa phần thiếu hiểu biết về điều kiện sinh thái tự nhiên của vùng, cũng như kinh nghiệm và kỹ thuật sản xuất tại địa bàn lãnh thổ đã dẫn đến việc khai thác và sử dụng không hợp lý tài nguyên làm cho nguồn tài nguyên bị suy giảm và cạn kiệt, sản xuất nông nghiệp bị đe dọa, an ninh lương thực không đảm bảo, cuộc sống của dân cư rơi vào tình trạng khó khăn, tình trạng đói nghèo gia tăng (năm 2001 số hộ đói nghèo chiếm tỷ lệ xấp xỉ 26%).

Dân di cư tự do chủ yếu là những người nghèo, dân trí thấp dẫn đến tỷ lệ đói nghèo tăng cao và mặt bằng dân trí hạ thấp làm cho gánh nặng này đối với Đắk Lắk càng tăng thêm và trách nhiệm mà Đắk Lắk phải giải quyết là lo cứu đói, hỗ trợ ổn định và nâng cao cuộc sống, định canh-định cư, xây dựng các công trình giao thông, trường học, y tế, chăm lo sức khỏe, bệnh tật... Và cứ như vậy mặc dù luôn thực hiện

"Xoá đói", "xoá mù", "xoá học ca 3"... nhưng xoá mãi vẫn không hết vì làn sóng di cư vẫn tiếp diễn! Vấn đề này cần được cả xã hội quan tâm và sự trợ giúp của cộng đồng.

- Di dân vào địa phương đã kéo theo sự du nhập nhiều phong tục, tập quán, lối sống không phù hợp, làm ảnh hưởng đến phong tục tập quán và nền văn hoá mang đậm đà bản sắc dân tộc của các cư dân bản địa, truyền thống văn hoá lịch sử của các cư dân bản địa bị tác động. Đặc biệt nguy hại hơn đã mang theo một số tệ nạn xã hội cùng với việc nhập cư: nạn nghiện hút, xì ke, ma tuý... vốn dĩ trước đây rất xa lạ với cư dân bản địa.

- Bước đầu có nơi đã xuất hiện mâu thuẫn giữa dân bản địa với dân di cư, thậm chí có nơi là giữa các tộc người do xuất phát từ nhu cầu lợi ích, sở hữu đất đai, tài nguyên, sự khác biệt về văn hoá, phong tục tập quán, nếp sống,... Đây là những vấn đề hết sức nhạy cảm và rất dễ bị kẻ xấu lợi dụng, kích động về chính trị gây chia rẽ dân tộc, mất đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc, ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự xã hội, cản trở việc thực hiện chính sách dân tộc và phát triển của Đảng và Nhà nước ta.

- Vấn đề khoán quản lý bảo vệ rừng chưa thực sự được người dân quan tâm đo chi phí cho quản lý rừng quá thấp, quyền lợi được hưởng từ tài nguyên rừng được bảo vệ chưa hấp dẫn và đặc biệt là quyền sở hữu rừng như thế nào? Trong khi đó nếu họ phá 1 ha rừng để trồng cây cà phê (mặc dù phá rừng là bất hợp pháp) thì họ sẽ toàn quyền được hưởng sản phẩm do họ sản xuất và khi cần họ cũng có thể sang nhượng. Do vậy họ cũng không thiết tha với việc nhận khoán quản lý bảo vệ rừng, đây là vấn đề chúng ta cần quan tâm nghiên cứu giải quyết để rừng thực sự có chủ và thực sự được người dân quan tâm.

Tóm lại: Từ sự gia tăng dân số đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Đắk Lắk nhưng cũng làm cho tài nguyên môi trường bị tổn hại, mất cân đối về cơ cấu trong toàn nền kinh tế và trong nội bộ của ngành, xã hội có nhiều mâu thuẫn nảy sinh. Vì vậy, để giải quyết những vấn đề trên chúng tôi xin có một số kiến nghị sau.

6. KIẾN NGHỊ

Để khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương vùng cao có nhiều tiềm năng cần được khai thác, diện tích đất rộng, dân cư vẫn còn thấp thì việc phân bố lại lực lượng lao động trong cả nước đưa dân đến Đắk Lắk là hết sức cần thiết để phát triển kinh tế và xã hội, nhưng muốn khai thác một cách bền vững cần phải thực hiện tốt các vấn đề sau.

1/ Chủ động quy hoạch bố trí các dự án khai hoang, mở rộng diện tích, kiểm soát dân di cư tự do và cư dân bản địa thiếu đất vào vùng dự án. Tổ chức hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp với từng vùng sinh thái cho nhân dân. Hỗ trợ giúp đỡ cộng đồng cư dân đặc biệt là dân di cư sớm ổn định cuộc sống, nâng cao dân trí, kịp thời giải quyết tốt mối quan hệ về kinh tế - chính trị - xã hội giữa các cộng đồng dân cư kể cả cư dân bản địa và cư dân mới đến. Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.

2/ Rà soát và tổ chức lại các nông lâm trường, thu hồi lại đất thừa để bố trí cho dân cư thiếu đất sản xuất, các nông lâm trường làm dịch vụ kỹ thuật, tổ chức dịch vụ đầu vào đầu ra giúp cho nông dân sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

3/ Có các biện pháp chỉ đạo kiên quyết việc thực hiện quy hoạch, đầu tư tập trung có trọng điểm xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia tạo thành sức mạnh tổng hợp. Để có thể thực hiện được cần tập trung lại một đầu mối không dàn trải phân chia chia quyền lợi cho các ngành.

4/ Đẩy mạnh công tác giáo dục đào tạo, nhất là trong khu vực đồng bào dân tộc, tăng cường công tác truyền thông nâng cao dân trí, kể cả quan trí nhằm đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

5/ Chú trọng đi sâu nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, những vấn đề dân tộc - dân cư, về tri thức của cộng đồng các dân cư bản địa trong khai thác sử dụng tài nguyên, trong ứng xử với thiên nhiên với cộng đồng và, vấn đề tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, nông thôn trong khu vực đồng bào các dân tộc; vấn đề quyền lợi và trách nhiệm của các hộ trong việc thực hiện khoán quản lý bảo vệ rừng...

POPULATION AND NATURAL RESOURCES PROBLEMS IN DAK LAK PROVINCE

Mr. Nguyen Xuan Do
*Acting Director of Department of Science Technology
and Environment of Dak Lak Province*

This paper presents issues on population and natural resources in Dak Lak province. In the recent 10 years of socio-economic development, the province has obtained many achievements. Beside that, there have some problems of environmental degradation and unsustainable development due to pressure of population.

Population growth: the population of Dak Lak was only 36,000 people at the time of liberation day (1975). But it is nearly 2 million people at present. The main reason for population increasing is free immigration from all provinces in the whole nation, especially ethnic people in the Northern region such as Cao Bang, Lang Son, Lai Chau, Thai Binh, Nghe An and Thanh Hoa provinces.etc. Number of ethnic groups in this province is the highest in Vietnam, it reaches 44 groups.

The population growth causes reducing forest cover and biodiversity in Dak Lak province. Average area of forest is reduced by 31,947.5 ha per year. In addition, many rare and precious species such as tiger, deer, leopard... and ecosystems are in danger of being disappeared.

The population growth also have influenced on land use, land resources ad water resources. Area of agricultural land have been rapidly increased in the past ten years. A lot of forest land have been changed into agricultural land. According to statistic data, area of industrial crop land was 99,712 ha in 1992, but it is 324,572.2 ha in 2000. As consequence, there are many problem that people are facing such as land erosion and drought.etc.

More over, many social problems also appear due to the free immigration.

Some solutions for sustainable developemnt in the provinces are recommended, for examaple, controlling immigration and making plannings for reclaiming land and expanding land area. On the other hand, education for people, expecially for ethnic minority people need to be considered. It is necessary to conduct research on social and human aspects such as indeginous knowledge on natural resources exploitation and their adaptation to nature .etc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Văn Chiển, 1985, Tây Nguyên các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, NXBKH&KT, Hà Nội.
- Nguyễn Xuân Độ, 2000, Hiện trạng môi trường Đắk Lắk, Sở khoa học công nghệ và môi trường Đắk Lắk.
- Nguyễn Xuân Độ, 2001, Tài nguyên và vấn đề môi trường tỉnh Đắk Lắk hiện trạng và những vấn đề cần giải quyết, Tạp chí khoa học số 6-2001, Đại học Huế.
- Nguyễn Xuân Độ, 2001, Sử dụng hợp lý tài nguyên cho phát triển nông nghiệp bền vững ở Đắk Lắk, Sở khoa học công nghệ và môi trường Daklak.
- Nguyễn Khang, Nguyễn Xuân Độ và nnk, 1995, Bổ sung hoàn thiện bản đồ đất tỉnh Đắk Lắk tỷ lệ 1/100.000 và liên hệ chuyển đổi sang hệ thống phân loại FAO-UNESCO, Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, Hà Nội.
- Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2001, Niên giám thống kê Đắk Lắk 2000, Buôn Ma Thuột.
- Báo cáo tổng kết tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Daklak thời kỳ 1996 - 2000, UBND tỉnh Đắk Lắk.
- Báo cáo sơ kết tình hình kinh tế xã hội quý I năm 2002 tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh Đắk Lắk..